

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2020
V/v: Tranh chấp hôn nhân và
gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán:* Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Việt Giang.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Đặng Thị Thu Hương.
2. Ông Ma Đức Hải.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tùng - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tri - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao,
tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2020/TLST-
HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia
đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ
ngày 03 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số:
05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Chu Thị T, sinh năm 1993.

HKTT: Khu 1B (Nay là khu 1), xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Khu 16 (Nay là khu Hoàng Phú Thịnh), xã Hà Thạch,
thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. (Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu 1B (Nay là khu 1), xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. (Anh
Tr vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lời khai, các biên bản hòa giải tại tòa án
nguyên đơn chị Chu Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị T kết hôn với anh Nguyễn Xuân
Tr ngày 29/4/2010. Có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã

X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị ở chung với bố mẹ chồng khoảng 02 năm sau đó ra ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc nhưng sau đó do anh Tr không chín chu làm ăn, thường xuyên uống rượu. Anh Tr đã hứa để sửa đổi nhiều lần nhưng đến nay không sửa được. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ sinh sống từ tháng 3/2020, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị Chu Thị T xác nhận chị và anh Tr có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng Ánh, sinh ngày 08/9/2010, cháu Nguyễn Diệu L, sinh ngày 17/8/2012 và cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 04/6/2017. Hiện nay các cháu đang ở cùng với vợ chồng chị. Nếu ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Hồng Ánh, sinh ngày 08/9/2010 và cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 04/6/2017 đến khi thành niên và chị không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung; Về công nợ chung; Về công sức đóng góp:

Chị Chu Thị T xác định anh chị không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay và không có đóng góp công sức gì nên không đề nghị tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải tại tòa án bị đơn anh Nguyễn Xuân Tr trình bày:

Anh kết hôn với chị Chu Thị T 29/4/2010, có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi ở chung với bố mẹ đẻ tôi khoảng 02 năm sau đó ra ở riêng. Qua trình chung sống vợ chồng thỉnh thoảng có mâu thuẫn nhỏ, thỉnh thoảng anh có uống rượu nhưng không bao giờ chửi mắng hoặc đánh vợ con. Khi mới cưới do vẫn còn trẻ nên suy nghĩ chưa chín chắn nên đôi lúc còn mải chơi. Sau những lần mâu thuẫn vợ chồng đến nay anh đã thay đổi. Hiện nay chỉ khi nào gia đình có việc thì anh mới uống rượu và đang đi làm công nhân ở xưởng gỗ. Nay chị T xin ly hôn anh xác định hiện nay anh đã thay đổi và xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh Nguyễn Xuân Tr xác nhận anh và chị T có 03 con chung là Nguyễn Thị Hồng Ánh, sinh ngày 08/9/2010, cháu Nguyễn Diệu L, sinh ngày 17/8/2012 và cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 04/6/2017. Hiện nay các cháu đang ở cùng với vợ chồng tôi. Nếu ly hôn anh nhất trí theo quan điểm của chị T. Anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Diệu L, sinh ngày 17/8/2012 và không yêu cầu chị T phải đóng góp nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung; Về công nợ chung; Về công sức đóng góp:

Anh Nguyễn Xuân Tr xác định anh chị không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay và không có đóng góp công sức gì nên không đề nghị tòa án xem xét giải quyết.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Chu Thị T đối với anh Nguyễn Xuân Tr. Xử cho chị Chu Thị T được ly hôn anh Nguyễn Xuân Tr.

Về con chung: Giao cho chị Chu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Hồng Ánh, sinh ngày 08/9/2010 và cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 04/6/2017 kể từ tháng 9/2020 đến khi các cháu thành niên. Giao cho anh Nguyễn Xuân Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Diệu L, sinh ngày 17/8/2012 kể từ tháng 9/2020 đến khi cháu L thành niên. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai.

Về án phí: Chị Chu Thị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trên cơ sở xem xét ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Chu Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với anh Nguyễn Xuân Tr, trú tại: Khu 1B (Nay là khu 1), xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Chu Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Nguyễn Xuân Tr được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh Tr là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị T kết hôn với anh Nguyễn Xuân Tr có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện

L, tỉnh Phú Thọ ngày 29/4/2010. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Chị T cho rằng sau khi kết hôn 1 thời gian ngắn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh Tr không quan tâm đến chị, không chín chu làm ăn, thường xuyên uống rượu. Anh Tr đã nhiều lần hứa để sửa chữa nhưng đến nay vẫn không sửa được. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Hà Thạch, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ sinh sống từ tháng 3/2020, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin ly hôn. Phía anh Tr cũng thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng thỉnh thoảng có mâu thuẫn, khi mới cưới do vẫn còn trẻ nên suy nghĩ chưa chín chắn nên đôi lúc còn mải chơi. Sau những lần mâu thuẫn vợ chồng đến nay anh đã thay đổi. Hiện nay chỉ khi nào gia đình có việc thì anh mới uống rượu và anh đã đi làm công nhân ở xưởng gỗ. Anh Tr xác định vẫn còn tình cảm nên đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh trường khu hành chính nơi anh Tr và chị T sinh sống và lấy lời khai của bà Lê Thị Phương là mẹ đẻ của anh Tr thì đều xác định vợ chồng anh Tr chị T có xảy ra những mâu thuẫn nhỏ, chị T và anh Tr đã sống ly thân từ tháng 3/2020 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy chị T và anh Tr đã sống ly thân 1 thời gian dài, hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, anh Tr muốn hòa giải về đoàn tụ nhưng không có động thái gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tình trạng hôn nhân của chị T và anh Tr đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục được, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Tr là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Chu Thị T và anh Nguyễn Xuân Tr đều xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng Ánh, sinh ngày 08/9/2010, cháu Nguyễn Diệu L, sinh ngày 17/8/2012 và cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 04/6/2017. Khi ly hôn chị T đề nghị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Hồng Ánh và cháu Nguyễn Như Q và anh Tr cũng nhất trí với quan điểm của chị T, anh Tr xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Diệu L. Chị T và anh Tr đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh Chủ tịch hội liên hiệp phụ nữ xã X thì cũng đề nghị xem xét chấp nhận đề nghị của chị T giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Hồng Ánh và cháu Nguyễn Như Q. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đề nghị của chị T và anh Tr, vì vậy cần giao cho chị Chu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Hồng Ánh và cháu Nguyễn Như Q. Giao cho anh Nguyễn Xuân Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Diệu L là phù

hợp. Chị T và anh Tr đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai.

[4] Về tài sản chung; Về công nợ; Về công sức đóng góp: Chị Chu Thị T và anh Nguyễn Xuân Tr đều xác định anh chị không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay và không có đóng góp công sức gì nên không đề nghị tòa án xem xét giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Chu Thị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 147, khoản 2, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Chu Thị T đối với anh Nguyễn Xuân Tr. Xử cho chị Chu Thị T được ly hôn anh Nguyễn Xuân Tr.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Chu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Hồng Ánh, sinh ngày 08/9/2010 và cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 04/6/2017 kể từ tháng 9/2020 đến khi các cháu thành niên. Giao cho anh Nguyễn Xuân Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Diệu L, sinh ngày 17/8/2012 kể từ tháng 9/2020 đến khi cháu L thành niên. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung; Về công nợ; Về công sức đóng góp: Chị Chu Thị T và anh Nguyễn Xuân Tr đều xác định anh chị không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay và không có đóng góp công sức gì nên không đề nghị tòa án xem xét giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Chu Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2019/0001781 ngày 15/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Phú Thọ.

[5]. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong Tr hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Cơ quan THADS huyện;
- UBND xã X;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Việt Giang